

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy cấp nước sinh hoạt
thị trấn Phú Phong của UBND huyện Tây Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2164/STNMT-CCBVMT ngày 04/07/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy cấp nước sinh hoạt thị trấn Phú Phong;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy cấp nước sinh hoạt thị trấn Phú Phong đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1162/UBND-KT ngày 17/07/2023 của UBND huyện Tây Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 951/TTr-STNMT ngày 04/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy cấp nước sinh hoạt thị trấn Phú Phong (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Tây Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tây Sơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN NÂNG CẤP, MỞ RỘNG NHÀ MÁY CẤP NƯỚC SINH HOẠT
THỊ TRẤN PHÚ PHONG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy cấp nước sinh hoạt thị trấn Phú Phong.

- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn

- Chủ dự án: UBND huyện Tây Sơn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Xây dựng nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước công suất 2.000m³/ngày đêm lên 5.000 m³/ngày đêm.

- Cấp nước sạch đảm bảo lưu lượng, chất lượng (theo QCVN 01-1-BYT của Bộ Y tế và theo QCVN 01:2022/BD của tỉnh Bình Định) cho khoảng 4.090 hộ gia đình đang sử dụng; mở rộng, phát triển đường ống cấp nước cho khoảng hơn 1.391 hộ dân.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình:

a) Các hạng mục công trình hiện hữu

- Trạm bơm từ các giếng khai thác nước ngầm và tuyến ống chuyển tải nước thô hiện hữu:

+ 04 giếng khai thác nước ngầm, trong đó có 03 giếng hoạt động và 01 giếng dự phòng (mỗi giếng lắp một bơm chìm Q = 28 m³/h, H = 25m, N = 3Kw).

+ Tuyến ống chuyển tải nước thô từ các giếng về cụm xử lý nước thô hiện hữu dài 275 m; loại ống nhựa uPVC và HDPE D100 - D200.

- Cụm xử lý nước công suất 2.000 m³/ngày, diện tích 4.020 m²; 01 thiết bị làm thoáng tải trọng cao D800, H3600 bằng inox; 02 bể lắng đứng kèm ngăn phản ứng AxBxH = 6,2x6,2x6,3 (m³); 03 thiết bị lọc cát D2700, H3800 bằng thép đen; Bể chứa nước sạch dung tích 500 m³; Trạm bơm nước sạch và rửa lọc, diện tích 52,5 m²; Hồ lắng bùn có diện tích 340,34 m²; Nhà điều hành và nhà hành chính có diện tích 31,5 m²; Nhà vệ sinh có diện tích 10,5 m²; Nhà hóa chất có diện tích 10,2 m²; Nhà kho có diện tích 25,2 m²; Phòng thí nghiệm có diện tích 10,2 m²; Hồ nước cảnh quan, đường kính 6,6 m.

b) Các hạng mục công trình đầu tư mới

- Công trình thu và trạm bơm nước thô

+ Công trình thu nước thô: Lắp đặt tuyến ống nước thô HDPE có đường kính DN500, gồm 02 ống chạy song song có tổng chiều dài khoảng 120 m về trạm bơm nước thô.

+ Trạm bơm nước thô: Lắp đặt bơm nước thô $Q = 150 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 15\text{-}20\text{m}$; bơm điện 3 pha, tần số 50Hz.

- Nhà máy xử lý nước: Nâng công suất $2.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ lên $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Các hạng mục chính gồm:

+ Bể lắng Lamén bằng BTCT gồm 02 ngăn có kích thước bể: $B \times L \times H = 19,15 \times 6,90 \times 5,90 \text{ (m}^3\text{)}$.

+ Bể lọc trọng lực bằng BTCT gồm 03 ngăn, vật liệu lọc là cát Thạch anh, mỗi bể có kích thước $B \times L \times H = 15,08 \times 9,05 \times 5,15 \text{ (m}^3\text{)}$.

+ Bể chứa nước sạch dung tích 1.000 m^3 , đá 1x2 B22.5, xây dựng nửa chìm nửa nổi, có kích thước $B \times L \times H = 18,8 \times 14,8 \times 5,3 \text{ (m}^3\text{)}$.

+ Trạm bơm cấp 2 lắp đặt 03 bơm nước sạch $Q = 140 \text{ m}^3/\text{h}$, $H = 40\text{m}$, máy thổi khí rửa lọc, máy bơm rửa lọc, hệ thống scanda, tủ điện điều khiển, ...

+ Nhà hóa chất, hệ thống điện động lực, điện chiếu sáng, điện điều khiển.

+ Các hạng mục phụ trợ khác: tường rào, sân bê tông, đường nội bộ...

- Cải tạo 01 hồ lắng bùn hiện có (02 ngăn) thành sân phơi bùn, ngăn còn lại cải tạo thành hồ thu hồi nước rửa lọc.

- Tuyến cấp nước:

+ Nâng cấp tuyến ống từ nhà máy đến đầu mạng lưới phân phối bằng ống HDPE DN300 - DN80 có chiều dài 180 m.

+ Xây dựng tuyến ống phân phối nước sạch kết nối giữa hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi và hệ thống cấp nước của dự án bằng ống HDPE DN100 - DN40 có chiều dài 2.236 m.

1.3.2. Các hoạt động của dự án: Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; phát quang dọn dẹp mặt bằng; vận chuyển nguyên vật liệu; thi công các hạng mục công trình và hoàn thiện công trình.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng tại khu khai thác nước thô, thi công tuyến đường ống đưa nước từ trạm khai thác nước thô về nhà máy, cụm xử lý nước mặt, tuyến đường ống cấp nước: phát sinh nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công; chất thải từ quá trình hoạt động của nhà máy hiện hữu.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải tác động

đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Ảnh hưởng đến người dân trên tuyến đường vận chuyển, tiếng ồn từ máy bơm nước, từ các thiết bị của nhà máy hưởng đến người dân xung quanh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 0,72 m³/ngày, của công nhân hiện hữu khoảng 0,6 m³/ngày. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

+ Nước thải xây dựng phát sinh với lưu lượng khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần chứa cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

+ Nước thải sản xuất của nhà máy hiện hữu bao gồm: Nước thải rửa lọc 120 - 150 m³/lần (1-2 ngày/lần), nước thải súc rửa đường ống khoảng 201- 221 m³/lần (1-2 lần/năm) và nước thải sau khi lắng bùn tại bể lắng bùn khoảng 40 - 50 m³/lần (2 tuần/lần). Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng.

- Giai đoạn hoạt động toàn dự án:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,78 m³/ngày. Thành phần chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

+ Nước thải sản xuất của nhà máy bao gồm: Nước thải rửa lọc 300 - 380 m³/lần (1-2 ngày/lần), nước súc rửa đường ống khoảng 300 - 350 m³/lần (1-2 lần/năm) và nước thải sau khi lắng bùn tại bể lắng khoảng 100 - 130 m³/lần (2 tuần/lần). Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng.

3.1.2 Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phát quang mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân xây dựng và công nhân tại nhà máy hiện hữu phát sinh khối lượng khoảng 25,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

- Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của công nhân

phát sinh khối lượng khoảng 15,4 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh khối lượng khoảng 12 m³. Thành phần chủ yếu là thân cây, gốc cây,...

+ Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh khối lượng khoảng 10-20 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông, sắt, thép vụn,...

+ Đất, đá phát sinh từ hoạt động đào các công trình ngầm với tổng khối lượng khoảng 1.705,68 m³. Thành phần chủ yếu gồm đất, xà bần.

+ Bùn thải từ quá trình xử lý nước hiện hữu khoảng 113kg/ngày

- Giai đoạn hoạt động dự án: Bùn thải từ quá trình xử lý nước khoảng 453 kg/ngày.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại từ quá trình thi công dự án phát sinh với khối lượng khoảng 7 kg trong suốt thời gian thi công; từ hoạt động của nhà máy hiện hữu khoảng 20 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải, bao bì đựng hóa chất...

- Giai đoạn hoạt động toàn dự án: Chất thải nguy hại từ quá trình hoạt động của dự án phát sinh với lượng khoảng 29 kg/năm. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, pin ắc quy chì thải, bao bì đựng hóa chất...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng ảnh hưởng đến các khu dân cư hiện trạng lân cận và các khu dân cư dọc tuyến đường vận chuyển trong suốt quá trình thi công.

3.4. Các tác động khác

- Tác động không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất, hoạt động thi công ảnh hưởng đến giao thông khu vực,...

- Sự cố, rủi ro: sự cố về kỹ thuật, sự cố rò rỉ nước, sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh hiện có tại Nhà máy cấp nước.

+ Nước thải xây dựng: Được thu gom, lắng cặn và tái sử dụng cho quá trình thi công xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn: Tại khu vực Nhà máy cấp nước sinh hoạt, nước mưa trong khu vực xử lý nước được thu gom theo các tuyến mương B400 của hệ thống rửa lọc về hồ lắng bùn và sau đó dẫn bằng đường ống D400 dài 92m về sông Kut.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh hiện có tại Nhà máy cấp nước sinh hoạt.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải rửa lọc và nước thải sau lắng bùn sẽ được tuần hoàn về bể trộn để tiếp tục xử lý; nước thải từ sân phơi bùn sẽ được thu gom chảy về bể lắng bùn để xử lý, không thải trực tiếp ra môi trường.

+ Nước mưa chảy tràn: Trong giai đoạn hoạt động sẽ sử dụng hệ thống mương B400 hiện có thu gom nước về bể lắng bùn và được tuần hoàn về bể trộn để tiếp tục xử lý.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Máy móc thiết bị thi công đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

+ Ban hành nội quy và niêm yết tại công trường để công nhân biết và thực hiện.

+ Sử dụng bê tông tươi được cung cấp bởi các nhà máy sản xuất bê tông tại khu vực để giảm lượng bụi, ồn phát sinh trong quá trình trộn bê tông. Các hạng mục còn lại chủ yếu là sử dụng máy trộn nhỏ thủ công tại công trường. Phun nước tưới ẩm vào những ngày thời tiết khô hanh để hạn chế phát tán bụi và giảm thiểu bức xạ nhiệt tại công trường.

+ Thường xuyên quét dọn, vệ sinh các kho chứa chất thải, khu tập kết rác thải sinh hoạt và nhà vệ sinh tại Nhà máy và trạm bơm tăng áp để tránh mùi hôi thối phát sinh gây ảnh hưởng đến công nhân đến xây dựng và công nhân đang làm việc tại Nhà máy hiện hữu.

- Giai đoạn hoạt động

+ Chăm sóc và trồng thêm cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

+ Xây dựng kho chứa hóa chất kín, thường xuyên vệ sinh khuôn viên Nhà máy.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy đặt tại khu vực khai thác nước thô; sử dụng các thùng thu gom rác sinh hoạt hiện hữu tại Nhà máy; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động toàn dự án: Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy đặt trong khuôn viên Nhà máy; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom và xử lý theo quy định.

+ Đất, đá phát sinh từ hoạt động đào các công trình ngầm sẽ được tận dụng san gạt những vùng trũng thấp trong khuôn viên dự án và tuyến đường vào khu khai thác nước thô, không vận chuyển ra ngoài dự án.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp hiện hữu được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động toàn dự án: Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước cấp của nhà máy, định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng

+ Chất thải nguy hại trong quá trình xây dựng được thu gom, phân loại riêng với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và tập trung vào kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 5 m² tại sân vật liệu, sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

+ Các loại chất thải này được thu gom hàng ngày, lưu giữ vào thùng chứa riêng biệt, tách riêng với các loại chất thải khác, có nắp đậy kín nhằm tránh tác dụng của yếu tố môi trường ngoài và có ký hiệu nhận biết chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động

+ Chất thải nguy hại được thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại của nhà máy, diện tích 5 m², được bố trí ở sân vật liệu.

+ Toàn bộ chất thải nguy hại sẽ được phân loại, lưu chứa trong các thùng riêng và dán nhãn nhận biết theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

+ Lưu trữ toàn bộ chứng từ liên quan đến quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Đồng thời, theo định kỳ báo cáo với Sở TN&MT để được theo dõi, giám sát và hướng dẫn theo đúng quy định.

+ Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị hư hỏng.

- Quy định áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công

a) Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

b) Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

c) Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường, an toàn điện, an toàn giao thông, an toàn cháy nổ và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai

đoạn vận hành

- Xây dựng nội quy về an toàn điện, an toàn cháy nổ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng đường ống phân phối nước; bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bơm nước tại nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra, xả cặn trong đường ống phân phối nước đảm bảo chất lượng nước sạch đến nơi tiêu thụ.

- Thực hiện đúng quy trình vận hành, quản lý bảo dưỡng công trình theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng: Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại trung tâm Nhà máy nước sinh hoạt thị trấn Phú Phong (tọa độ X: 1538430; Y: 571308).

- Chỉ tiêu giám sát: Tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, CO.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành

a) Giám sát các sự cố sạt lở, bồi lắng của khu vực khai thác nước thô

- Vị trí giám sát: Tại hai bên bờ sông Kut dọc quanh điểm thu mẫu.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

b) Giám sát chất thải rắn

- Thực hiện việc giám sát chất thải rắn sinh hoạt, thông thường và chất thải nguy hại thường xuyên khi có phát sinh lượng chất thải.

- Giám sát về thành phần, khối lượng chất thải và biện pháp thu gom, xử lý.

- Thực hiện giám sát trên toàn khu vực dự án.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp,

đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ dự án, đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.